UBND TỈNH THÁI NGUYÊN **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2731/QĐ-SYT	*Thái Nguyên, ngày 12 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2065 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc sửa đổi Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Biên bản họp Tổ thư ký thẩm định hồ sơ cấp mới, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của Sở Y tế Thái Nguyên ngày 12/11/2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới 27 giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (*có danh sách kèm theo).*

Điều 2. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y và các ông, bà có tên tại Điều 1 thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2 (T/hiện);
- Lãnh đạo SYT (B/cáo);
- BP tiếp nhận và trả KQ TTHC (Uyên);
- Website SYT;
- Lưu: VT, NVY (Hieult).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH THÁI NGUYÊN

Tiêu Thị Vân Hạnh

DANH SÁCH CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(kèm theo Quyết định số 2731/QĐ-SYT ngày 12/11/2026 của Giám đốc Sở Y tế Thái Nguyên về việc cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Số Căn cước công dân	Chức danh chuyên môn	Số GPHN	Phạm vi hành nghề	Thời hạn giấy phép	Loại cấp
1	NGÔ MINH HẰNG	23/6/2001	Tổ 3, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	019301009444	Bác sĩ	002108	Y khoa	12/11/2031	Cấp mới
2	ĐỖ ĐÌNH NAM	12/8/2001	Xóm Phương Giao, xã Dân Tiến, tỉnh Thái Nguyên	019201001309	Bác sĩ	002109	Y khoa	12/11/2031	Cấp mới
3	VÕ THỊ XINH	29/6/2001	Xóm Thọ Lộc, xã Nghĩa Khánh, tỉnh Nghệ An	040301022477	Bác sĩ	002110	Răng hàm mặt	12/11/2031	Cấp mới
4	DƯƠNG THỊ XUYÊN	04/6/2000	Xóm Làng Hỏa, xã Văn Hán, tỉnh Thái Nguyên	004300006247	Y sĩ	002111	Y học cổ truyền	12/11/2031	Cấp mới
5	PHẠM THỊ MINH NGUYỆT	13/9/2003	Xóm Khánh Hoà, xã Tân Cương, tỉnh Thái Nguyên	019303010035	Điều dưỡng	002112	Điều dưỡng	12/11/2031	Cấp mới
6	ĐỖ THỊ HỒNG NGÁT	08/01/2001	Xóm Văn Minh, xã Phú Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	019301005288	Bác sĩ	002113	Y học cổ truyền	12/11/2031	Cấp mới
7	NGUYỄN MẠNH TOÀN	26/10/2002	Tổ 16, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	019202002497	Điều dưỡng	002114	Điều dưỡng	12/11/2031	Cấp mới
8	HỨA VĂN THƯỢNG	26/5/2000	Thôn Gốc Gạo, xã Tân Thành, tỉnh Lạng Sơn	020200002921	Bác sĩ	002115	Y khoa	12/11/2031	Cấp mới
9	LỤC THỊ THÙY LINH	24/6/2001	Xóm Phú Thịnh, xã Vô Tranh, tỉnh Thái Nguyên	019301005517	Bác sĩ	002116	Y khoa	12/11/2031	Cấp mới
10	BÙI VĂN HỒNG	04/4/1991	Xóm Xuân Lạc, xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	019091000800	Y sĩ	002117	Đa khoa	12/11/2031	Cấp mới
11	NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	12/5/1999	Tổ 20, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	026199003927	Bác sĩ	002118	Y khoa	12/11/2031	Cấp mới

TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Số Căn cước công dân	Chức danh chuyên môn	Số GPHN	Phạm vi hành nghề	Thời hạn giấy phép	Loại cấp
12	NGUYỄN THÙY TRANG	27/01/1995	Xóm Hòa Bình 2, xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	019195000408	Y sĩ	002119	Đa khoa	12/11/2031	Cấp mới
13	NGUYỄN THÙY DUNG	26/3/1998	Tổ 55, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	019198008405	Bác sĩ	002120	Y khoa	12/11/2031	Cấp mới
14	HOÀNG THỊ HƯƠNG GIANG	09/10/2003	Xóm 5, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	019303003219	Điều dưỡng	002121	Điều dưỡng	12/11/2031	Cấp mới
15	LƯU THỊ THANH HƯƠNG	14/01/2002	Xóm Thuận Thượng, xã Vạn Phú, tỉnh Thái Nguyên	019302003614	Điều dưỡng	002122	Điều dưỡng	12/11/2031	Cấp mới
16	BÙI THỊ UYÊN	14/12/2003	Xóm Bục, xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	019303000286	Điều dưỡng	002123	Điều dưỡng	12/11/2031	Cấp mới
17	ĐỖ HẢI BIÊN	04/12/2001	Thôn Chung Dầu, xã Bình Phú, tỉnh Phú Thọ	025201008640	Bác sĩ	002124	Răng hàm mặt	12/11/2031	Cấp mới
18	TRƯƠNG THỊ HỒNG NHUNG	19/10/1993	Tổ 2, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên	019193000634	Y sĩ	002125	Đa khoa	12/11/2031	Cấp mới
19	VŨ THỊ THÚY	25/8/2001	Tổ 93, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	036301013283	Điều dưỡng	002126	Điều dưỡng	12/11/2031	Cấp mới
20	ĐÀM THỊ THANH THẢO	17/6/2003	Tổ 20, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	019303007526	Điều dưỡng	002127	Điều dưỡng	12/11/2031	Cấp mới
21	NGUYỄN PHAN HOÀNG LINH	07/5/2001	Tổ 34, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	019301007105	Kỹ thuật y	002128	Xét nghiệm y học	12/11/2031	Cấp mới
22	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	31/8/2000	Phố Thắng, phường Hiệp Hòa, thành Phố Bắc Ninh	024300013195	Bác sĩ	002129	Y khoa	12/11/2031	Cấp mới
23	ĐỒNG THỊ HƯƠNG LAN	31/10/1982	Tổ 7, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	019182012579	Điều dưỡng	002130	Điều dưỡng	12/11/2031	Cấp mới

TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Số Căn cước công dân	Chức danh chuyên môn	Số GPHN	Phạm vi hành nghề	Thời hạn giấy phép	Loại cấp
24	NGÔ THỊ THU HUỆ	17/02/1988	Tổ 15, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	019188008959	Y sĩ	002131	Đa khoa	12/11/2031	Cấp mới
25	DƯƠNG ĐỨC MẠNH	04/6/2003	Xóm Quyên, xã Phú Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	019203000603	Điều dưỡng	002132	Điều dưỡng	12/11/2031	Cấp mới
26	NGUYỄN NGỌC ÁNH	11/11/2001	Tổ 12, phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên	019301004733	Bác sĩ	002133	Y khoa	12/11/2031	Cấp mới
27	NGUYỄN THANH HIỀN	16/5/2001	Thôn Lai Tảo, xã Phúc Sơn, thành phố Hà Nội	001301029062	Bác sĩ	002134	Y khoa	12/11/2031	Cấp mới
	Tổng số: 27 cá nhân								